

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2020.

“V/v chị H xin ly hôn với anh M”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thủy.

2. Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 17/1, tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số nhà 30, ngách 5/4, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 20, phường N, quận C, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Xuân M, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Số nhà 17/1, tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

3. Người làm chứng: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số nhà 17/1, tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30-12-2019; bản tự khai ngày 30-12-2019; các đơn đề nghị ngày 03-02-2020 và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Vũ Xuân M đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 14-4-2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện Y, tỉnh B và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị và anh Mãi chủ yếu sinh sống và làm ăn ở thành phố Hà Nội và chỉ thỉnh thoảng mới về quê của anh M một thời gian ngắn rồi lại đi và vợ, chồng đã chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị và anh M tính tình không hợp nhau và do anh M chơi bời cò, bạc dẫn đến phải vay mượn tiền của người khác mà không tự trả nợ được nên chị và gia đình anh M đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh M nhưng mà anh M vẫn không từ bỏ chơi bời cò, bạc; ngoài ra còn do M thường hay uống rượu say rồi không làm chủ được bản thân nên dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát, cãi, chửi nhau vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không được hạnh phúc, mâu thuẫn vợ, chồng thì ngày càng trầm trọng hơn nên tháng 8 - 2019 chị và con chung của vợ, chồng đã phải bỏ đi thuê nhà ở chỗ khác để ở riêng và vợ, chồng chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm với nhau từ đó cho đến nay. Chị xác định mâu thuẫn của vợ, chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng chị hiện nay cũng không còn tồn tại và chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với anh M do đó mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05-8-2016, cháu N đã trực tiếp ở cùng với chị từ khi vợ, chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng với chị.

Về điều kiện nuôi con: Hiện chị có đủ sức khỏe và có công việc làm ổn định, có thu nhập ổn định. Hiện chị đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hạ tầng ngôi nhà lớn; địa chỉ của công ty: Số 97/99, đường Hoàng Quốc Việt, phường N, quận C, thành phố Hà Nội, mức thu nhập bình quân của chị khoảng từ 15.000.000đ đến 17.000.000đ/tháng và điều kiện nuôi con của chị hiện nay tốt hơn rất nhiều so với điều kiện của anh M; mặt khác thì hiện nay cháu N còn nhỏ tuổi và lại là con gái nên rất cần có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ và nếu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N thì chị sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con được tốt nhất.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh M không có khoản nào nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Vũ Xuân M đến Tòa án để làm việc, nhưng anh M vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc lần nào nhằm gây khó khăn cho tiến trình giải quyết vụ án của Tòa án và vì lý do công việc làm của chị tại Công ty rất bận, chị không thể xin nghỉ để về Tòa án làm việc các lần tiếp theo được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về vụ án nữa và đề nghị Tòa án cho phép chị được vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và chị đề nghị Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Vũ Xuân M là bị đơn trong vụ án, nhưng anh M không đến Tòa án làm việc lần nào và cũng không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì của mình về các vấn đề có liên quan đến vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 21-02-2020, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Xuân M và chị Nguyễn Thị H là vợ, chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh B vào ngày 14-4-2014. Sau kết hôn anh M và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 17/1, tổ dân phố T, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định. Mặc dù anh M và chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn G nhưng mà thời gian anh M và chị H sinh sống tại thị trấn G không nhiều mà anh, chị ấy chủ yếu sinh sống và làm ăn ở thành phố Hà Nội là chính. Anh M và chị H chỉ thỉnh thoảng mới đi về thị trấn G một thời gian ngắn rồi lại đi nên địa phương không nắm bắt được cụ thể về mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh M và chị H như thế nào. Nhưng theo như ông Vũ Xuân H là bố đẻ của anh M báo cáo thì mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh M và chị H nguyên nhân chủ yếu là do anh M và chị H tính tình không hợp nhau và do anh M chơi bời cờ bạc, ít quan tâm đến gia đình vợ, con nên vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát với nhau và mâu thuẫn thì ngày càng trầm trọng hơn nên khoảng tháng 8-2019 chị H đã đi thuê nhà ở chỗ khác để ở riêng và vợ, chồng anh M, chị H đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung: Anh M và chị H có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05-8-2016. Cháu N có đăng ký khai sinh và đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND thị trấn G và hiện nay cháu N đang trực tiếp ở cùng với chị H ở trên thành phố Hà Nội. Địa phương được biết hiện nay cả anh M và chị H đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên điều kiện nuôi con của chị H có phần nào tốt hơn so với điều kiện của anh M và hiện nay cháu N còn nhỏ tuổi rất cần có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ. Vì vậy nếu như anh M và chị H ly hôn với nhau thì đề nghị Tòa án xem xét giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Hiện anh M và chị H không thấy có tài sản chung, công nợ chung và vấn đề gì khác có liên quan tại địa phương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M.

Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05-8-2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng

thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Vũ Xuân M Không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn: Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử sơ thẩm, anh Vũ Xuân M là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định và anh M vẫn thường hay đi về thị trấn G. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự chị H xin ly hôn với anh M là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Vũ Xuân M là bị đơn trong vụ án đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh M đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M lần thứ hai nhưng anh M vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh M.

[3]. Về quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M kết hôn với nhau vào ngày 14-4-2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh B và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị H và anh M đã thỏa mãn đầy đủ những quy định về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi chị H và anh M kết hôn với nhau vợ, chồng đã chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 02 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị H và anh M tính cách không hợp nhau và do anh M mãi chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ, con nên dẫn đến trong cuộc sống vợ, chồng thường hay xảy ra xô xát với nhau và vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng trầm trọng hơn nên tháng 8-2019 mẹ, con chị H đã phải bỏ anh M đi thuê nhà riêng ở chỗ khác để ở và vợ, chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau suốt từ đó cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa chị H và anh M đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét hôn nhân của chị H và anh M nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích của hôn

nhân không còn đạt được do đó đời sống chung giữa chị H và anh M không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy, việc chị H xin ly hôn với anh M là có căn cứ pháp luật và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với tình trạng thực tế hiện nay của hôn nhân giữa chị H và anh M. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và xử ly hôn giữa chị H và anh M là phù hợp.

[6]. Về nuôi con chung: Xét chị H và anh M có 01 con chung là cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05-8-2016 và cháu N đã trực tiếp ở cùng với chị H từ thời điểm chị H và anh M sống ly thân với nhau cho đến nay và sau ly hôn chị H có nguyện vọng tha thiết muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; mặt khác thì hiện nay cháu N còn nhỏ tuổi nên rất cần đến sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ và thấy chị H cũng có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N được tốt nhất; còn phía anh M thì cho đến nay cũng không có bất cứ ý kiến, quan điểm gì về con chung của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với những quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với mình. Xét thấy nguyện vọng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và thấy hiện nay chị H cũng có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H là phù hợp.

[8]. Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; mặt khác thì cho đến nay anh M cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về phân tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Xuân M.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Vũ Minh N, sinh ngày 05-8-2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi chị H và anh M có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật (Hiện cháu N đang trực tiếp ở cùng với chị H).

Anh Vũ Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Nguyễn Thị H.

Anh Vũ Xuân M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị H.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001894 ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- UBND thị trấn G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

